

Số: 166/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 20 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận Tận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Đặng L, sinh năm 1988; Nơi đăng ký HKTT: Số 02 L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Số 59 P, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Hoàng Thị Minh T, sinh năm 1987; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 3, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: 93T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Minh T và anh Đặng L sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 25/6/2010, nên hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa chị T, anh L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị T, anh L.

[2] Về con chung: Chị Hoàng Thị Minh T và anh Đặng L có 01 con chung là cháu Đặng Hoàng Minh Q, sinh ngày 04/12/2009. Hiện nay cháu Q đang sống cùng chị T. Chị T, anh L thỏa thuận giao cháu Q cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi cháu Q trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị Minh T và anh Đặng L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ về tài sản: Không có ai yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa Tận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Minh T và anh Đặng L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Đặng Hoàng Minh Q, sinh ngày 04/12/2009 cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến Tới trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi cháu Q trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị Minh T và anh Đặng L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ về tài sản: Không có ai yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Hoàng Thị Minh T và anh Đặng L mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000877 ngày 14/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Hoàng Thị Minh T và anh Đặng L đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND P. P, thành phố H
(ĐKKH số 42 ngày 25/6/2010);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Văn Hạnh